

Móng Cái 3, ngày 03 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO
Thông tin cơ sở vật chất năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 về việc sáp nhập trường mầm non Hải Yên và trường Mầm non Hải Đông thành trường mầm non Móng Cái 3;

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, trường mầm non Hải Yên thông báo công khai thông tin cơ sở vật chất của đơn vị năm học 2025 - 2026 như sau:

I. Điểm trường trung tâm:

1. Diện tích khu đất xây dựng điểm trường trung tâm, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 6535.2 m²
- Diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ: 3.5m²/ trẻ em.

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

TT	Nội dung	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu	Diện tích thực tế	Ghi chú
I	Khối phòng hành chính quản trị				
1	Phòng hiệu trưởng	1		26.91	
2	Phòng phó hiệu trưởng	2		51.75	
3	Hội trường	1		76.75	
4	Phòng nhân viên kế toán	1		24.84	
5	Phòng bảo vệ	1		12.0	
6	Khu vệ sinh CB, GV, NV	2		49.68	
7	Khu để xe	1		159.0	
II	Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ	12			
1	Khối phòng nuôi dưỡng chăm	12		1971.8	

TT	Nội dung	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu	Diện tích thực tế	Ghi chú
	sóc, giáo dục trẻ				
2	Khu sinh hoạt chung	12		993.6	
3	Khu vệ sinh	12		226.33	
4	Hiên chơi	12		626.66	
5	Kho	1		24.84	
III	Phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật				
1	Phòng giáo dục thể chất	1		51.75	
2	Phòng giáo dục nghệ thuật				
3	Thư viện	1		24.84	
IV	Khối phòng tổ chức ăn				
1	Nhà bếp	1		154.64	
2	Kho bếp	219.2		135.44	
IV	Khối phụ trợ				
1	Phòng chuyên môn	1		71.28	
2	Phòng tin học	1		177.8	
3	Phòng y tế	1		24.84	
4	Nhà kho				
5	Sân vườn	1		3366.0	
	<i>Trong đó: Sân dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm</i>				
V	Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống thoát nước; hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hạ tầng công nghệ thông tin				Đạt

3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

TT	Nội dung	ĐVT	Yêu cầu tối thiểu	Số lượng thực tế	Ghi chú
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu	Cái	14	05	

1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	Bộ	14	05	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	Bộ		09	Thiếu một số danh mục, thiếu chi tiết của các danh mục

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác:

TT	Nội dung	ĐVT	Yêu cầu tối thiểu	Số lượng thực tế	Ghi chú
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	Cái		44	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)			07	

II. Điểm trường phân hiệu khu phố Hải Đông 7.

1. Diện tích khu đất xây dựng điểm trường phân hiệu khu phố Hải Đông 7, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 4.395,6 m²
- Diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ: 10,9m²/ trẻ em.

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

TT	Nội dung	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Ghi chú
I	Khối phòng hành chính quản trị				
1	Phòng Phó hiệu trưởng	1		24,0	
2	Phòng phó hiệu trưởng	1		19,7	
3	Phòng họp				

TT	Nội dung	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Ghi chú
4	Phòng nhân viên kế toán	1		19,7	
5	Phòng bảo vệ	1		10,9	
6	Khu vệ sinh CB, GV, NV	2		12,0	
7	Khu để xe	1		48,2	
II	Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ	11		1,514	
1	Phòng sinh hoạt chung	11		1.044	
2	Phòng ngủ	5		92,5	
3	Khu vệ sinh	11		108,7	
4	Hiên chơi	11		269,4	
5	Kho				
III	Phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật				
1	Phòng giáo dục thể chất	1		80,7	
2	Phòng giáo dục nghệ thuật				
3	Thư viện				
IV	Khối phòng tổ chức ăn				
1	Nhà bếp	1		35,9	
2	Kho bếp	1		4,5	
IV	Khối phụ trợ				
1	Phòng chuyên môn	1		39,9	
2	Phòng tin học				
3	Phòng y tế	1		12,0	
4	Phòng nghỉ nhân viên	1		19,7	
5	Sân vườn	1			
	<i>Trong đó: Sân dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm</i>			2.475	
V	Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống thoát nước; hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hạ tầng công nghệ thông tin				Đạt

3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

TT	Nội dung	ĐVT	Yêu cầu tối thiểu	Số lượng thực tế	Ghi chú
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu	Cái	14		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	Bộ	14	05	Có đủ đầu danh mục theo quy định. 1 số đầu danh mục số lượng ít không đủ trẻ hoạt động
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	Bộ		09	Có 65-70% số lượng đầu danh mục theo quy định, 1 số danh mục thiếu chi tiết

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác:

TT	Nội dung	ĐVT	Yêu cầu tối thiểu	Số lượng thực tế	Ghi chú
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	Cái		16	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)			05	

Trên đây là thông báo thông tin cơ sở vật chất năm học 2025-2026 của trường mầm non Móng Cái 3./.

Nơi nhận:

- Chi ủy chi bộ (b/c);
- CB, GV, NV (để biết);
- Tổ công khai (th/h)
- Lưu VT; Website



Hà Bích Thủy